

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 42/2023/HS-ST
Ngày: 03 - 11 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Thiện Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Kiều Như Bồn.

Ông Đỗ Hồng Kỳ.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa:** Ông Kiều Ti Vi - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 11 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 25/2023/TLST-HS ngày 23 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2023/QĐXXST - HS ngày 17/10/2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Việt D (Tên gọi khác: V), sinh ngày: 15/10/1987 tại Khánh Hòa. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn K, xã S, huyện C, tỉnh Khánh Hòa; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 5/12; Con ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị H1; có vợ tên Nguyễn Thị Bảo Diệp Liên H2 và có 04 người con. Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08/7/2022, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh N (Có mặt tại phiên tòa).

2. Họ và tên: Nguyễn Văn T (Tên gọi khác: Năm), sinh ngày: 13/5/2000 tại Bình Thuận. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã S, huyện B, tỉnh Bình Thuận; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 7/12; Con ông Nguyễn Văn C và bà Mai Thị M; chưa có vợ, con. Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08/7/2022, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh N (Có mặt tại phiên tòa).

3. Họ và tên: Trần Văn D1, sinh ngày: 10/10/2003 tại Quảng Bình. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn S, xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông Trần Văn H3 và bà Nguyễn Thị G; chưa có vợ, con. Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08/7/2022, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh N (Có mặt tại phiên tòa).

4. Họ và tên: Nguyễn Thị Bé P (Tên gọi khác: Bé B), sinh ngày: 03/8/1992 tại Bình Thuận. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã S, huyện B, tỉnh Bình Thuận; Giới tính: Nữ; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 7/12; Con ông Nguyễn Văn C và bà Mai Thị M; có chồng tên Nguyễn Ngọc K (đã ly hôn), có 02 người con. Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo thực hiện lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú tại thôn T, xã S, huyện B, tỉnh Bình Thuận (Có mặt tại phiên tòa).

Người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Việt D, Nguyễn Văn T: Ông Nguyễn Xuân T1 – Luật sư Văn phòng L2 – Đoàn Luật sư tỉnh N (Có mặt tại phiên tòa).

Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn D1: Ông Phạm Bình P1 – Luật sư Văn phòng L2 – Đoàn Luật sư tỉnh N (Có mặt tại phiên tòa).

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Bé P:

Bà Phan Thị Phương T2 – Luật sư Văn phòng L2 – Đoàn Luật sư tỉnh N (Có mặt tại phiên tòa).

Ông Đỗ Thanh L – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh N (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị hại: Công ty TNHH M1.

Địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Minh T3 – Giám đốc Công ty TNHH M1.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ Văn T4 – Chức vụ: Phó giám đốc Công ty TNHH M1 (Có mặt tại phiên tòa).

Nơi cư trú: Số A L, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Quách Tấn P2, sinh năm 1987 (Vắng mặt tại phiên tòa).

Nơi cư trú: Thôn B, xã N, huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

2. Anh Trần Phạm Thế D2, sinh năm 1992 (Vắng mặt tại phiên tòa).

Nơi cư trú: Khu phố L, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

3. Anh Võ Văn T5, sinh năm 1994 (Vắng mặt tại phiên tòa).

4. Anh Phạm Trọng T6, sinh năm 1990 (Có mặt tại phiên tòa).

5. Chị Nguyễn Thị Út H4, sinh năm 1993 (Vắng mặt tại phiên tòa).

Cùng nơi cư trú: Thôn V, xã V, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

6. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1986 (Có mặt tại phiên tòa).

Nơi cư trú: Số B đường A, phường P, thành phố T, thành phố. Hồ Chí Minh.

7. Bà Huỳnh Thị T7, sinh năm 1965 (Vắng mặt tại phiên tòa).

Nơi cư trú: Thôn N, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

8. Bà Hoàng Thị T8, sinh năm 1975 (Có mặt tại phiên tòa).

Nơi cư trú: Khu phố A, thị trấn P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

9. Bà Trần Thị Ngọc T9, sinh năm 1974 (Có mặt tại phiên tòa).

10. Ông Nguyễn Văn G1, sinh năm 1971 (Có mặt tại phiên tòa).

11. Anh Nguyễn Văn H5, sinh năm 1996 (Có mặt tại phiên tòa).

Cùng nơi cư trú: Thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

12. Bà Nguyễn Thị V1, sinh năm 1976 (Có mặt tại phiên tòa).
Nơi cư trú: Thôn T, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận.
13. Ông Nguyễn Quang H6, sinh năm 1990 (Vắng mặt tại phiên tòa).
14. Ông Đinh Văn N1, sinh năm 1983 (Vắng mặt tại phiên tòa).
Nơi cư trú: Thôn V, xã V, huyện T, tỉnh Bình Thuận.
15. Ông Nguyễn Ngọc C1, sinh năm 1988 (Vắng mặt tại phiên tòa).
Nơi cư trú: Thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Ninh Thuận.
16. Bà Võ Thị T10, sinh năm 1989 (Vắng mặt tại phiên tòa).
Nơi cư trú: Xóm C, xã V, huyện T, tỉnh Bình Thuận.
17. Anh Lê Thành N2, sinh năm 1994 (Có mặt tại phiên tòa).
Nơi cư trú: Phú Lộc T, thị trấn D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.
18. Anh Lương Tấn H7, sinh năm 1991 (Vắng mặt tại phiên tòa).
Nơi cư trú: Tổ A, phường N, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.
19. Anh Nguyễn Minh L1, sinh năm 1996 (Có mặt tại phiên tòa).
Nơi cư trú: P, thị trấn D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.
20. Bà Nguyễn Thị Bảo Diệp Liên H2, sinh năm 1986 (Vắng mặt tại phiên tòa).
Nơi cư trú: Thôn K, xã S, huyện C, tỉnh Khánh Hòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 11/6/2022, ông Hồ Văn T4, sinh năm 1958, trú tại: Phường P, TP N, Khánh Hòa là Phó giám đốc Công ty TNHH M1 (*viết gọn: Công ty M1*) ký kết hợp đồng với Công ty cổ phần X (*viết gọn: Công ty X*) để thi công 02 hầm chui dân sinh thuộc dự án cao tốc C - V đoạn qua thôn H, P, N. Sau đó, ông T4 đã thuê Nguyễn Việt D trực tiếp thi công 02 hầm chui dân sinh trên. Hai bên tự thỏa thuận miệng với nhau, quá trình thi công thì D làm lán trại ở tại công trình và D có trách nhiệm chỉ đạo làm, quản lý, trông coi tất cả vật tư, tài sản tại công trình. Sau khi nhận lại gói thầu thi công, Nguyễn Việt D đã thuê thêm Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị Bé P và Trần Văn D1 cùng tham gia thi công công trình.

Để phục vụ thi công công trình, ngày 15/6/2022, Công ty M1 chở thiết bị, vật tư đến giao cho Nguyễn Việt D gồm: 50 cây chống nê làm bằng ống sắt dài 2,5m; 85 cây chống nê làm bằng sắt ống dài 1m; 100 cây móc chống nê làm bằng sắt ống dài 1m; 100 cây đầu bò ống sắt dài 0,5m; 20 cây sắt hộp kích thước (5x10) cm, dài 3m; 50 cây sắt hộp kích thước (5x5) cm, dài 3m; 01 máy đầm dùi loại 1.5 mã lực, sơn màu cam; 01 máy uốn sắt; 01 máy cắt sắt; 01 máy phát điện; 01 bình oxi loại cao 1m; 02 bộ pin, đèn năng lượng mặt trời. Đến ngày 19/6/2022, công ty X chở tới công trình giao cho Việt D tổng cộng: 3.041 thép cây các loại từ D10-VAS đến D25-VAS.

Sau khi nhận thép, thiết bị thi công thì Nguyễn Việt D nảy sinh ý định lấy thép, vật tư, thiết bị tại công trình bán lấy tiền tiêu dùng cá nhân. Khi nảy sinh ý định, Nguyễn Việt D nói với Nguyễn Văn T, Trần Văn D1, Nguyễn Thị Bé P về ý định của mình thì tất cả đều đồng ý. Quá trình thi công Nguyễn Việt D cùng

với Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị Bé P và Trần Văn D1 đã nhiều lần thống nhất ý chí lấy thép, vật tư, thiết bị của công trình bán, cụ thể như sau:

Lần 1: Sau ngày 19/6/2022 khoảng 02 ngày, Việt D liên hệ với anh Quách Tấn P2, sinh năm 1987, trú tại N, T, sau đó cùng Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị Bé P và Trần Văn D1 lấy 4.600 kg thép, bán cho P2 với giá 5.000đ/kg, số tiền Việt D1 nhận được là **23.000.000đ**.

Lần 2: Tương tự lần 1, cách khoảng 02 ngày sau, Việt D cùng Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị Bé P và Trần Văn D1 tiếp tục lấy 3.261kg thép bán cho P2 với giá 4.600đ/kg, số tiền Việt D1 nhận được là **15.000.000đ**.

Lần 3: Tương tự các lần trước, cách khoảng 02 ngày sau, Nguyễn Việt D tiếp tục cùng Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị Bé P và Trần Văn D1 tiếp tục lấy 3.696kg thép bán cho P2 với giá 4.600đ/kg, số tiền Nguyễn Việt D nhận được là **17.000.000đ**.

Tổng số tiền có được từ 03 lần bán thép cho P2 là **55.000.000đ**, Nguyễn Việt D đều chia cho mỗi người trong nhóm nhưng các bị cáo không nhớ chính xác từng người được hưởng lợi cụ thể là bao nhiêu và đã tiêu xài cá nhân hết, không thu giữ được.

Toàn bộ số lượng thép sau 03 lần mà P2 thu mua tại công trình từ nhóm Nguyễn Việt D, P2 đã bán lại cho bà Hoàng Thị T8, sinh năm 1975, trú tại khu phố A, thị trấn P, huyện N, bà T8 đã vận chuyển đi tiêu thụ tại thành phố. Hồ Chí Minh nên Cơ quan điều tra không thu hồi được số lượng thép này.

Kết quả định giá tài sản xác định số lượng thép bị Nguyễn Việt D cùng đồng bọn chiếm đoạt sau 03 lần bán cho P2 có trị giá là: **103.950.000đ**.

Lần 4 và lần 5: Sau lần 3 khoảng 03 ngày, Nguyễn Việt D liên hệ với vợ chồng ông Nguyễn Văn G1, sinh năm 1971, vợ là bà Trần Thị Ngọc T9, sinh năm 1974, cùng trú tại N, T làm nghề thu mua phế liệu, sau đó cùng Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị Bé P và Trần Văn D1 lấy 1.071kg vật tư thiết bị, gồm cây chống nôm, cây móc chống nôm, cây đầu bò, hộp sắt còn lại ở công trình và 02 mô tơ, 01 bình oxi hàn gió đá (dung tích 40 lít, màu xanh), 01 máy đầm bán cho vợ chồng G1 với giá 7.000đ/kg, số tiền Nguyễn Việt D nhận được là **7.500.000đ**. Số tiền có được từ việc 02 lần bán thép cho ông G1 là **7.500.000đ** thì Nguyễn Việt D đều chia cho mỗi người trong nhóm nhưng các bị cáo không nhớ chính xác từng người được hưởng lợi cụ thể là bao nhiêu và đã tiêu xài cá nhân hết, không thu giữ được.

Kết quả định giá tài sản xác định số lượng vật tư thiết bị mà Nguyễn Việt D cùng đồng phạm chiếm đoạt sau 02 lần bán cho ông G1 có trị giá là: **14.983.768đ**.

Lần 6: Vào khoảng 20h ngày 26/6/2022, Nguyễn Việt D bảo T, Trần Văn D1 điều khiển xe Wave màu xanh, BKS: 79N1-564.35 của mình chở 913 kg thép phi từ 16-25 đã cắt ngắn kích thước khác nhau đến nhà bà Huỳnh Thị T7, sinh năm 1965, trú tại N, P, N để bán với giá 4.600đ/kg. Sau khi chở thép

đến nhà bà T7 thì Bé P là người trực tiếp cân và tính tiền, số tiền thu được là **4.200.000đ**.

Số tiền có được từ việc bán thép cho bà T7 là **4.200.000đ**, Nguyễn Việt D đều chia cho mỗi người trong nhóm nhưng các bị cáo không nhớ chính xác từng người được hưởng lợi cụ thể là bao nhiêu và đã tiêu xài cá nhân hết, không thu giữ được.

Kết quả định giá tài sản xác định số lượng thép bị Nguyễn Việt D cùng đồng phạm chiếm đoạt bán cho bà T7 có trị giá là **8.406.000đ**. Ngày 26/6/2022, Bà T7 đã giao lại cho Cơ quan điều tra toàn bộ 913 kg thép trên mà Nguyễn Việt D cùng đồng phạm đã bán cho bà T7.

Lần 7: Tối ngày 26/6/2022, Nguyễn Việt D liên hệ bán thép cho Trần Phạm Thế D2, sinh năm 1992, trú tại: I N, T, H, Bình Thuận làm nghề thu mua phế liệu. Khoảng 23h ngày 26/6/2022, D2 đi cùng với Võ Văn T5, sinh năm 1994, trú tại: V, T, Bình Thuận và Nguyễn Quang H6, sinh năm 1990, trú tại: Vĩnh Phúc, V, T, Bình Thuận điều khiển xe cầu tự hành BKS: 72C-11256 đến công trình mua 16.500kg thép, với giá 10.500đồng/kg. Tại đây, Nguyễn Việt D bảo Trần Văn D1 và T phụ với H6 cầu các bó thép tại công trình lên xe. Qua cân xác định số thép có trọng lượng là 16.500kg, tổng số tiền thu được là **173.000.000đ**.

Sau khi nhận số tiền trên, Nguyễn Việt D giữ 75.000.000đ và sử dụng số tiền 9.500.000đ mua 01 xe mô tô nhãn hiệu Sirius, màu bạc đen, BKS: 86B3 - 148.37, gửi vào tài khoản tiết kiệm số 40547733 tại ngân hàng K1 số tiền 25.000.000; chia cho Bé P số tiền 55.000.000đ, đưa cho T số tiền 22.000.000đ, Văn D1 số tiền 21.000.000đ. Cơ quan điều tra thu giữ của Nguyễn Việt D 01 mô tô BKS: 79N1 - 564.35 và 01 xe mô tô BKS: 86B3 - 148.37, phong toả số tiền 25.000.000đ trong tài khoản tiết kiệm, số tiền còn lại các bị cáo đã tiêu xài hết nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Toàn bộ số thép mua của Nguyễn Việt D, D2 đã bán lại cho Võ Văn T5, sinh năm 1994, trú tại: Vĩnh Phúc, V, T, Bình Thuận được số tiền 181.000.000đ. Tới bán lại cho Phạm Trọng T6, sinh năm 1990, trú tại: P, Đ, Đ, Thanh Hóa được số tiền 303.000.000đ. T6 bán lại cho Nguyễn Văn N, sinh năm 1986, trú tại: T, Đ, Nghệ An được số tiền 319.000.000đ. Sau khi sự việc bị Cơ quan công an phát hiện, N đã tự nguyện giao nộp lại cho Cơ quan điều tra toàn bộ số thép, 01 bình ắc quy đề, 02 bộ pin năng lượng mặt trời và bóng đèn để xử lý theo quy định.

Kết quả định giá tài sản xác định số lượng thép bị nhóm của Nguyễn Việt D chiếm đoạt bán cho D2 vào đêm 26/6/2022 có trị giá là **382.245.600đ**.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo Nguyễn Việt D, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị Bé P, Trần Văn D1 đã khai nhận toàn bộ diễn biến sự việc như trên, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của nhân chứng, bị hại và tài liệu chứng cứ khác đã thu thập.

Quá trình điều tra xác định, các đối tượng khi thu mua thép và các vật tư, thiết bị nêu trên, gồm Quách Tấn P2, Nguyễn Văn G1, Trần Thị Ngọc T9,

Huỳnh Thị T7, Trần Phạm Thế D2, Võ Văn T5, Nguyễn Quang H6, Phạm Trọng T6, Nguyễn Văn N không biết tài sản do thực hiện hành vi phạm tội nên mua.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 27/KLĐGTS-HĐĐG ngày 08/7/2022 của Hội đồng ĐGTS trong TTHS - UBND huyện N kết luận: Giá trị tài sản cần định giá của các loại thép là **378.285.300 đồng**.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 44/KLĐGTS-HĐĐG ngày 21/10/2022 của Hội đồng ĐGTS trong TTHS - UBND huyện N kết luận: Giá trị tài sản cần định giá của các loại vật tư, thiết bị là **131.299.768 đồng**.

Về vật chứng của vụ án:

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra tạm giữ và xử lý trao trả những vật chứng không liên quan đến vụ án cho các chủ sở hữu.

Đối với vật chứng có liên quan trong vụ án, Cơ quan điều tra thu giữ để xử lý theo vụ án, gồm:

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Sirius, màu bạc đen, BKS: 86B3-148.37, số máy: 5C63-646680, số khung: C630CY646630 (do bị cáo Nguyễn Việt D mua từ tiền bán thép thép trong đêm 26/6/2022).

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave, màu xanh, BKS: 79N1 - 564.35, số máy: 00004299, số khung: RMEWCG9ME5A004299 (xe do các bị cáo sử dụng chở thép đi bán).

- 01 điện thoại di động hiệu N3 (do bị cáo Nguyễn Việt D sử dụng làm phương tiện phạm tội, liên lạc trao đổi mua bán thép, vật tư, thiết bị).

- Số tiền 25.000.000 đồng (là tiền do các bị cáo bán thép vào ngày 26/6/2022).

- Số tiền 8.000.000 đồng (Tiền lời mua bán thép do ông Trần Phạm Thế D2 tự nguyện giao nộp).

- Số tiền 136.410.000 đồng (Tiền lời mua bán thép, vật tư, thiết bị do ông Võ Văn T5 tự nguyện giao nộp).

Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo đã tự nguyện giao nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Ninh Thuận tổng số tiền là 167.400.000 đồng để khắc phục một phần hậu quả, cụ thể: Nguyễn Việt D số tiền 70.000.000 đồng, Trần Văn D1 số tiền 20.400.000 đồng, Nguyễn Văn T số tiền: 22.000.000 đồng và Nguyễn Thị Bé P số tiền: 55.000.000 đồng

Ông Hồ Văn T4 là người đại diện ủy quyền của Công ty M1 yêu cầu các bị cáo Nguyễn Việt D, Trần Văn D1, Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị Bé P liên đới bồi thường số tiền 318.821.390 đồng.

Đối với Ông Nguyễn Văn N, sau khi giao nộp lại toàn bộ lượng thép mua từ ông Phạm Trọng T6 vào ngày 27/6/2022 cho Cơ quan Cảnh sát điều tra thì đã được ông Tình tự n trả lại số tiền 189,5 triệu đồng; ông N đề nghị các ông T5 hỗ trợ trả lại số tiền 136,41 triệu đồng; ông D2 trả lại số tiền 08 triệu đồng là khoản

tiền hưởng lợi chênh lệch để bù đắp vào khoản tiền mà ông N đã bỏ ra mua số thép và đã tự nguyện giao nộp lại cho Cơ quan điều tra để trả lại cho bị hại. Các ông T5, D2 đồng ý nếu được cơ quan có thẩm quyền xử lý trả lại số tiền trên.

Bản Cáo trạng số 19/CT-VKS-P2 ngày 20/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận đã truy tố các bị cáo Nguyễn Việt D, Nguyễn Văn T, Trần Văn D1 và Nguyễn Thị Bé P về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 4 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận giữ nguyên quyết định truy tố theo như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 4 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Việt D mức án từ 09 - 10 năm tù; Nguyễn Văn T mức án từ 08 - 09 năm tù; Trần Văn D1 mức án từ 08 - 09 năm tù; Nguyễn Thị Bé P mức án từ 07 - 08 năm tù.

Về biện pháp tư pháp:

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 46 Bộ luật Hình sự, Điều 589 Bộ luật Dân sự tuyên buộc các bị cáo Nguyễn Việt D, Nguyễn Văn T, Trần Văn D1 và Nguyễn Thị Bé P có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại cho Công ty TNHH M1 do ông Hồ Văn T4 là người đại diện số tiền 340.000.000 đồng.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên:

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Sirius, màu bạc đen, BKS: 86B3-148.37, số máy: 5C63-646680, số khung: C630CY646630 (do bị cáo Việt D mua từ tiền bán thép thép trong đêm 26/6/2022); 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave, màu xanh, BKS: 79N1 - 564.35, số máy: 00004299, số khung: RMEWCG9ME5A004299 (xe do các bị cáo sử dụng chở thép đi bán); 01 điện thoại di động hiệu Nokia (do bị cáo Việt D sử dụng làm phương tiện phạm tội, liên lạc trao đổi mua bán thép, vật tư, thiết bị).

- Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử lý số tiền 8.000.000 đồng (Tiền lời mua bán thép do ông Trần Phạm Thế D2 tự nguyện giao nộp và số tiền 136.410.000 đồng (Tiền lời mua bán thép, vật tư, thiết bị do ông Võ Văn T5 tự nguyện giao nộp) theo quy định của pháp luật.

- Tuyên trả lại số tiền 25.000.000 đồng (là tiền do các bị cáo bán thép vào ngày 26/6/2022) cho Công ty TNHH M1 do ông Hồ Văn T4 là người đại diện.

Người bào chữa cho các bị cáo phát biểu ý kiến tranh luận:

- Luật sư Nguyễn Xuân T1 phát biểu quan điểm bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Việt D3, Nguyễn Văn T: Thống nhất nội dung cũng như điều luật mà bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận truy tố các bị cáo. Tuy nhiên, cần xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo như: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại cho người bị hại; đại diện hợp pháp của người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị

cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, thấp hơn mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

- Luật sư Phạm Bình P1 phát biểu quan điểm bào chữa cho bị cáo Trần Văn D1: Thống nhất nội dung cũng như điều luật mà bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận truy tố bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo tham gia với vai trò đồng phạm giúp sức thứ yếu, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự, tuyên bị cáo mức án thấp hơn mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

- Luật sư Phan Thị Phương T2 phát biểu quan điểm bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Bé P: Thống nhất nội dung cũng như điều luật mà bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận truy tố bị cáo. Tuy nhiên, cần xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại cho người bị hại; đại diện hợp pháp của người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo hiện đang một mình nuôi hai con nhỏ, tình trạng sức khỏe không tốt do mắc nhiều bệnh nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, thấp hơn mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

- Tại bản luận cứ của người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Bé P là ông Đỗ Thanh L nhất trí với bản cáo trạng về tội danh và điều khoản mà Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận đã truy tố bị cáo. Tuy nhiên cần xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại cho người bị hại; đại diện hợp pháp của người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự xem xét giảm nhẹ hình phạt đến mức thấp nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

- Các bị cáo nhất trí với phát biểu của người bào chữa và không bổ sung ý kiến nào khác.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo rất ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo sớm có cơ hội trở về chăm lo cho gia đình, làm công dân tốt trong xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan,

người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng:

Tại phiên tòa: Ông Đỗ Thanh L bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Bé P có đơn xin xét xử vắng mặt và gửi Luận cứ bào chữa cho bị cáo P. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan các ông (bà) Quách Tấn P2, Trần Phạm Thế D2, Võ Văn T5, Nguyễn Thị Út H4, Huỳnh Thị T7, Nguyễn Quang H6, Đinh Văn N1, Nguyễn Ngọc C1, Võ Thị T10, Lương Tấn H7, Nguyễn Thị Bảo Diệp Liên H2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Xét thấy: Sự vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo Điều 290, 291, 292 của Bộ luật Tố tụng Hình sự (viết tắt là BLTTHS).

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo Nguyễn Việt D, Nguyễn Văn T, Trần Văn D1 và Nguyễn Thị Bé P đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với các lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, kết luận định giá tài sản và các chứng cứ khác đã được thu thập tại hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở xác định: Lợi dụng sự tin tưởng của Công ty M1 là đơn vị nhận thầu thi công công trình với Công ty X, sau đó giao lại cho Nguyễn Việt D trực tiếp thi công công trình và được giao nhiệm vụ thi công, trông coi, quản lý thép, vật tư, thiết bị tại công trình. Do cần tiền tiêu dùng cá nhân, Việt D đã nảy sinh ý định lấy thép, vật tư, thiết bị tại công trình đem bán lấy tiền tiêu xài nên bàn bạc với Trần Văn D1, Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị Bé P để cùng thực hiện hành vi phạm tội của mình thì cả nhóm đã đồng ý, sau đó khoảng ngày 21/6/2022 đến ngày 26/6/2022 cả nhóm nhiều lần thực hiện hành vi lấy thép, vật tư, thiết bị tại công trình đem đi bán, với tổng giá trị thiệt hại là **509.585.368đ** (*Năm trăm lẻ chín triệu năm trăm tám mươi lăm ngàn ba trăm sáu mươi tám đồng*).

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận đã truy tố các bị cáo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi trên của các bị cáo Nguyễn Việt D, Nguyễn Văn T, Trần Văn D1 và Nguyễn Thị Bé P là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương nên cần phải xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật để nhằm răn đe giáo dục và phòng ngừa chung.

Đây là vụ án mang tính đồng phạm giản đơn do các bị cáo Nguyễn Việt D, Trần Văn D1, Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị Bé P cùng thực hiện. Trong đó, bị cáo Nguyễn Việt D đóng vai trò chủ mưu, rủ rờ, lôi kéo, trực tiếp thực hành; các bị cáo Trần Văn D1, Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị Bé P có vai trò đồng phạm giúp sức, trực tiếp thực hành.

[3] Khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo như sau:

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần nên bị áp dụng tình tiết “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; đã tự nguyện bồi thường, khắc phục một phần hậu quả; Đại diện bị hại có yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử cân nhắc giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử xem xét, áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận và ý kiến của người bào chữa cho các bị cáo tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với các đối tượng thu mua thép và các vật tư, thiết bị nêu trên gồm các ông (bà) Quách Tấn P2, Nguyễn Văn G1, Trần Thị Ngọc T9, Huỳnh Thị T7, Trần Phạm Thế D2, Võ Văn T5, Nguyễn Quang H6, Phạm Trọng T6, Nguyễn Văn Nguyên d không biết tài sản do thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự là có căn cứ.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra, truy tố người đại diện theo ủy quyền của bị hại Công ty trách nhiệm hữu hạn M1 là ông Hồ Văn T4 yêu cầu các bị cáo liên đới bồi thường số tiền **318.821.390 đồng**. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông Hồ Văn T4 yêu cầu các bị cáo liên đới bồi thường số **340.000.000 đồng**; các bị cáo đồng ý liên đới bồi thường theo yêu cầu của bị hại. Số tiền **25.000.000 đồng** Cơ quan cảnh sát điều tra đã phong tỏa trong tài khoản tiết kiệm của bị cáo Nguyễn Việt D là tiền các bị cáo bán thép vào tối ngày 26/6/2022 nên trả lại cho bị hại. Như vậy, các bị cáo còn phải trả cho bị hại Công ty trách nhiệm hữu hạn M1 số tiền **315.000.000 đồng (340.000.000 đồng – 25.000.000 đồng)**. Hội đồng xét xử buộc các bị cáo Nguyễn Việt D, Trần Văn D1, Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị Bé P liên đới bồi thường cho Công ty trách nhiệm hữu hạn M1 số tiền **315.000.000 đồng**; chia phần mỗi bị cáo phải bồi thường cho Công ty trách nhiệm hữu hạn M1 số tiền **78.750.000 đồng** (Bảy mươi tám triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

Tiếp tục tạm giữ số tiền các bị cáo đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Ninh Thuận để đảm bảo cho việc bồi thường cho Công ty trách nhiệm hữu hạn M1.

Tại phiên tòa: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Trọng T6 có yêu cầu buộc anh Võ Văn T5 bồi thường cho anh số tiền 303.000.000 đồng tiền mua bán toàn bộ số thép do Nguyễn Việt D cùng đồng bọn bán vào tối ngày 26/6/2022, do số thép này đã giao nộp cho Cơ quan điều tra. Đây là yêu cầu về

giao dịch dân sự, anh Phạm Trọng T6 có quyền khởi kiện anh Võ Văn T5 về việc yêu cầu trả số tiền 303.000.000 đồng từ việc mua bán thép trong một vụ án dân sự khác.

[5] Về xử lý vật chứng:

- Đối với: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Sirius, màu bạc đen, BKS: 86B3-148.37, số máy: 5C63-646680, số khung: C630CY646630 (do bị cáo Việt D mua từ tiền bán thép thép trong đêm 26/6/2022); 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave, màu xanh, BKS: 79N1 - 564.35, số máy: 00004299, số khung: RMEWCG9ME5A004299 (xe do các bị cáo sử dụng chở thép đi bán); 01 điện thoại di động hiệu Nokia (do bị cáo Việt D sử dụng làm phương tiện phạm tội, liên lạc trao đổi mua bán thép, vật tư, thiết bị) là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội và tài sản do phạm tội mà có nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền 8.000.000 đồng và số tiền 136.410.000 đồng là tiền lãi do mua bán thép, vật tư, thiết bị do ông Trần Phạm Thế D2 và Võ Văn T5 tự nguyện nộp, không phải tiền do phạm tội mà có nên trả lại cho ông Trần Phạm Thế D2 và Võ Văn T5.

- Đối với số tiền 25.000.000 đồng đã được Nguyễn Việt D gửi vào tài khoản tiết kiệm tại Ngân hàng K1 là tiền do các bị cáo bán thép vào ngày 26/6/2022 nên trả lại cho bị hại Công ty trách nhiệm hữu hạn M1.

[6] Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 3.937.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Riêng bị cáo Nguyễn Thị Bé P thuộc hộ cận nghèo nên được miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 4 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Việt D, Trần Văn D1, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị Bé P phạm tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*".

Xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Việt D 09 (chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 08/7/2022.

Bị cáo Trần Văn D1 08 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 08/7/2022.

Bị cáo Nguyễn Văn T 08 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 08/7/2022.

Bị cáo Nguyễn Thị Bé P 06 (sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt thi hành án.

- *Về trách nhiệm dân sự*: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 357, 584, 587, 589 của Bộ luật Dân sự.

Buộc các bị cáo Nguyễn Việt D, Trần Văn D1, Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị Bé P liên đới bồi thường cho Công ty trách nhiệm hữu hạn M1 số tiền **315.000.000 đồng**; chia phần mỗi bị cáo phải bồi thường cho Công ty trách nhiệm hữu hạn M1 số tiền **78.750.000 đồng** (*Bảy mươi tám triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng*). Ông Hồ Văn T4 là người đại diện theo ủy quyền của Công ty trách nhiệm hữu hạn M1 được nhận số tiền này.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 40.000.000 (*bốn mươi triệu*) đồng do Nguyễn Thị H1 nộp thay Nguyễn Việt D theo Biên lai thu tiền số 0002136 ngày 04/8/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Ninh Thuận để đảm bảo cho việc bồi thường cho Công ty trách nhiệm hữu hạn M1.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 30.000.000 (*ba mươi triệu*) đồng do Nguyễn Thị Bảo Đ Liên Hồng nộp thay Nguyễn Việt D theo Biên lai thu tiền số 0002140 ngày 11/8/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Ninh Thuận để đảm bảo cho việc bồi thường cho Công ty trách nhiệm hữu hạn M1.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 20.400.000 (*hai mươi triệu bốn trăm ngàn*) đồng do Nguyễn Thị G nộp thay Trần Văn D1 theo các Biên lai thu tiền số 0002139 ngày 11/8/2022; Biên lai thu tiền số 0002143 ngày 25/8/2022; Biên lai thu tiền số 0002151 ngày 15/9/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Ninh Thuận để đảm bảo cho việc bồi thường cho Công ty trách nhiệm hữu hạn M1.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 22.000.000 (*hai mươi hai triệu*) đồng do Mai Thị M nộp thay Nguyễn Văn T theo các Biên lai thu tiền số 0002134 ngày 29/7/2022; Biên lai thu tiền số 0002135 ngày 04/8/2022; Biên lai thu tiền số 0002137 ngày 04/8/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Ninh Thuận để đảm bảo cho việc bồi thường cho Công ty trách nhiệm hữu hạn M1.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 55.000.000 (*năm mươi lăm triệu*) đồng do Nguyễn Thị Bé P nộp theo Biên lai thu tiền số 0002133 ngày 29/7/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Ninh Thuận để đảm bảo cho việc bồi thường cho Công ty trách nhiệm hữu hạn M1.

- *Về xử lý vật chứng*: Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

+ Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Sirius, màu bạc đen, BKS: 86B3-148.37, số máy: 5C63-646680, số khung: C630CY646630 (đã niêm phong một phần); 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Wave, màu xanh, BKS: 79N1 - 564.35, số máy: 00004299, số khung: RMEWCG9ME5A004299 (đã niêm phong một phần); 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh, số IMEI: 359097701350384, gấn sim 0911648444 (đã niêm phong, bên ngoài phong bì có chữ ký của Nguyễn Thị Bảo Diệp Liên H2, Nguyễn Anh T11 và dấu tròn đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra).

Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 28/6/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh N với Cục thi hành án dân sự tỉnh Ninh Thuận.

+ Trả lại cho ông Trần Phạm Thế D2 số tiền 8.000.000 đồng (*Tám triệu đồng*) và trả lại cho ông Võ Văn T5 số tiền 136.410.000 đồng (*Một trăm ba mươi sáu triệu bốn trăm mười ngàn đồng*).

Số tiền này hiện đang tạm giữ tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Ninh Thuận theo Ủy nhiệm chi số 20 lập ngày 29 tháng 6 năm 2023.

+ Trả lại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn M1 25.000.000 (*Hai mươi lăm triệu*) đồng. Số tiền này hiện đã bị phong tỏa trong tài khoản tiết kiệm số 40547733, số sổ tiết kiệm AH 899600, mở tài khoản ngày 29/6/2022 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần K1 (K2) – phòng G2, Bình Thuận theo lệnh phong tỏa số 01 ngày 30/9/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Ông Hồ Văn T4 là người đại diện theo ủy quyền của Công ty trách nhiệm hữu hạn M1 được nhận số tiền này.

- *Về án phí*: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Việt D, Trần Văn D1, Nguyễn Văn T mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 3.937.500 đồng (*Ba triệu chín trăm ba mươi bảy ngàn năm trăm đồng*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người bị thi hành án chậm thi hành án thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tại thời điểm thanh toán.

Người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt các bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan biết quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 03/11/2023). Riêng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ Bản án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp. HCM;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- Sở Tư pháp tỉnh Ninh Thuận;
- Trại tạm giam CA tỉnh Ninh Thuận;
- Cục THADS Ninh Thuận;
- PV 27 Công an tỉnh Ninh Thuận;
- Các bị cáo; Người bào chữa cho các bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Phòng KTNV-THA; Tổ HCTP;
- Lưu: Án văn, hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Thiệu Vinh

